

## TÀO THÁO UỐNG RƯỢU LUẬN ANH HÙNG

(Trích hồi 21 – *Tam quốc diễn nghĩa*)

LA QUÁN TRUNG

### TIỂU DẪN

Trong tình thế buộc phải nương nhờ Tào Tháo, nhóm Lưu – Quan – Trương vẫn luôn ủ ấp ý định xây dựng căn cứ và lực lượng riêng để lập nên nghiệp lớn. Bấy giờ giữ được bí mật, ý đồ chiến lược là nhiệm vụ hàng đầu. Câu chuyện *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng* đã xảy ra trong tình huống ấy.

\*  
\* \* \*

Huyền Đức bấy giờ sợ Tào Tháo nghi mình có mưu đồ gì, bèn làm một vườn rau ở sau nhà, ngày ngày vun xới tưới tẩm, để làm cho Tháo khỏi ngờ.

Quan, Trương thấy vậy hỏi rằng :

– Anh không lưu tâm đến việc lớn thiên hạ, học làm chi cái việc của kẻ tiểu nhân này ?

Huyền Đức nói :

– Hai em biết đâu ý anh !

Hai người từ đó không dám nói gì nữa.

Một hôm, Quan Vũ, Trương Phi cùng đi chơi vắng, Huyền Đức đang lom khom tưới rau, bỗng thấy Hứa Chủ và Trương Liêu dẫn vài chục người vào vườn, nói rằng :

– Thùa tướng sai chúng tôi đến mời sứ quân<sup>(1)</sup> đến ngay phủ.

Huyền Đức giật mình, hỏi :

– Việc gì khẩn cấp thế, hai ông ?

Hứa Chủ thưa :

– Không rõ. Chúng tôi chỉ biết vâng lệnh đến mời.

(1) *Sứ quân* : từ dùng để gọi chức quan cai trị đứng đầu một châu hoặc quận ở thời Hán

Huyền Đức theo hai người vào phủ yết kiến Tháo, Tháo cười nói rằng :

– Huyền Đức đệ này ở nhà làm một việc lớn lao đấy nhỉ !

Huyền Đức sợ tái mặt. Tháo cầm tay Huyền Đức dắt vào vườn ở sau nhà, nói rằng :

– Huyền Đức học làm vườn, chắc không phải là việc dễ dàng ?

Huyền Đức bấy giờ mới vung dạ, đáp rằng :

– Không có việc gì, làm để tiêu khiển đó thôi.

Tháo nói :

– Vừa rồi thấy trên cành mơ đã có quả xanh, sực nhớ khi trước đi đánh Trương Tú, đi đường không có nước, tướng sĩ khát càu cuống họng. Bấy giờ ta nghĩ được một kế, cầm roi vòi trỏ nói rằng : trước mặt có rùng mơ. Quân sĩ nghe thấy nói đến mơ, ai cũng úa nước dãi, đỡ được khát nước. Nay có mơ thật, nên hái xuống mà thưởng<sup>(1)</sup>. Vả lại rượu nấu vừa chín, cho nên mời sứ quân đến tiểu đình uống rượu.

Huyền Đức bấy giờ trán tinh lại được, theo đến tiểu đình, đã thấy bày mâm bát, giữa bàn bày một đĩa mơ xanh, một bình rượu nóng.

Hai người ngồi đối diện, ăn uống vui vẻ. Lúc rượu ngà ngà say, chợt thấy mây đen mù mịt, cơn mưa to sắp kéo đến.

Quân hầu trỏ lên trời, bẩm :

– Có vòi rồng lấy nước.

Tháo và Huyền Đức cùng dựa vào lan can ngắm xem, Tháo hỏi :

– Sứ quân có biết rồng nó biến hoá thế nào không ?

Huyền Đức nói :

– Tôi chưa được tường<sup>(2)</sup>.

Tháo nói :

– Rồng thì lúc to, lúc nhỏ, lúc bay, lúc nấp. Lúc to thì nồi mây phun mù ; lúc nhỏ thì thu hình ẩn bóng ; khi bay ra thì liêng trong trời đất ; khi ẩn thì núp ở dưới sóng. Nay đang mùa xuân, rồng gặp thời biến hoá, cũng như người ta lúc đặc chí, tung hoành trong bốn bề. Rồng ví như anh hùng trong đời. Huyền Đức lâu nay đã đi khắp bốn phương, bao nhiêu anh hùng đời này, hẳn đã biết cả, xin thử nói cho nghe.

---

(1) *Thưởng* : thưởng thức, nếm.

(2) *Tường* : hiểu rõ, biết rõ.

Huyền Đức thưa :

– Bị này người trần mắt thịt, biết đâu được anh hùng.

Tháo nói :

– Huyền Đức không nên nhún mình quá !

Huyền Đức nói :

– Bị nay được nhờ ơn Thùa tướng làm quan trong triều, anh hùng trong thiên hạ thực không được biết.

Tháo nói :

– Đã đánh không biết mặt, nhưng cũng có nghe tiếng chứ ?

Huyền Đức nói :

– Viên Thuật ở Hoài Nam, binh lương nhiều, có thể cho là anh hùng được chăng ?

Tháo cười nói :

– Xương khô trong má, chỉ nay mai là ta bắt được !

Huyền Đức lại nói :

– Anh Viên Thuật là Viên Thiệu ở Hà Bắc, bốn đời làm tam công<sup>(1)</sup>, có nhiều đài turrets ; hiện nay như con hổ dữ hùng cứ<sup>(2)</sup> ở Kí Châu ; bộ hạ nhiều tay tài giỏi, có thể cho là anh hùng được chăng ?

Tháo lại cười nói :

– Viên Thiệu ngoài mặt mạnh bạo, trong bụng nhút nhát, thích mưu mẹo mà không quyết đoán, làm việc lớn lại lo đến bản thân, thấy lợi nhỏ thì lại quên mình, không thể gọi là anh hùng được !

Huyền Đức lại nói :

– Có một người nổi tiếng trong tám kê tuấn kiệt, uy danh khắp cả chín châu<sup>(3)</sup>, là Lưu Cảnh Thắng, có thể cho là anh hùng được chăng ?

Tháo lại cười :

– Lưu Biểu có hư danh nhưng không có thực tài, không phải anh hùng.

---

(1) *Tam công* : từ gọi chung ba chức quan lớn trong triều đình là *Thái úy*, *Tư đồ*, *Tư không*.

(2) *Hùng cứ* : chiếm giữ một vùng với thế mạnh.

(3) *Chín châu* : chín khu vực hành chính ở Trung Quốc thời cổ theo truyền thuyết. Về sau, thường dùng để chỉ toàn bộ lãnh thổ Trung Hoa.

Huyền Đức lại nói :

– Có một người, sức lực đương khoẻ, đứng đầu xứ Giang Đông, là Tôn Bá Phù, hẳn là anh hùng ?

Tháo nói :

– Tôn Sách nhờ danh tiếng của bố, không phải anh hùng.

Huyền Đức nói :

– Lưu Quý Ngọc ở Ích Châu có phải là anh hùng không ?

Tháo nói :

– Lưu Chương, tuy là tôn thất<sup>(1)</sup>, nhưng chỉ như con chó giữ nhà, sao gọi là anh hùng được ?

Huyền Đức lại nói :

– Như bọn Trương Tú, Trương Lỗ và Hàn Toại thì thế nào ?

Tháo vỗ tay cười to :

– Lũ tiểu nhân nhung nhúc ấy thì nói làm gì !

Huyền Đức nói :

– Ngoài những người ấy ra, Bị thực không còn biết ai nữa.

Tháo nói :

– Anh hùng là người trong bụng có chí lớn, có mưu cao, có tài bao trùm được cả vũ trụ, có chí nuốt cả trời đất kia.

Huyền Đức mới hỏi :

– Ai có thể xứng đáng được như thế ?

Tào Tháo lấy tay trả vào Huyền Đức, rồi lại trả vào mình nói rằng :

– Anh hùng trong thiên hạ bây giờ chỉ có sứ quân và Tháo mà thôi.

Huyền Đức nghe nói giật nảy mình, bất giác thà, đưa dương cầm ở tay rơi cả xuống đất. Đúng lúc ấy, cơn mưa sập đến, có một tiếng sấm rền vang. Huyền Đức ung dung cúi xuống nhặt đũa và thà, nói lảng rằng :

– Góm thật ! Tiếng sấm dữ quá !

---

(1) *Tôn thất* : dòng họ nhà vua (ở đây chỉ dòng họ Lưu Bang, người sáng lập ra triều Hán).

Tháo cười hỏi rằng :

– Trương phu cũng sợ sấm à ?

Huyền Đức nói :

– Đức thánh ngày xưa gặp lúc sấm dữ gió to cũng biến đổi sắc mặt<sup>(1)</sup>, sao tôi lại không sợ ?

Huyền Đức đã che đậy được hết việc giật mình đánh rơi cả thia đũa khi nghe Tháo gọi mình là anh hùng.

Tháo thấy thế không nghi ngờ Huyền Đức nữa.

(Theo *Tam quốc diễn nghĩa*, Sách đã dẫn)

### **HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM**

1. Có thể xem *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng* là một đoạn trích có cốt truyện hoàn chỉnh, trong đó câu chuyện diễn ra theo trình tự thường thấy của một kết cấu tự sự. Chi tiết đánh dấu *đỉnh điểm* là việc Tào Tháo trỏ vào Lưu Bị rồi trỏ vào mình mà nói rằng : "Anh hùng thiên hạ bấy giờ chỉ có sứ quân và Tháo mà thôi". Hãy chỉ ra chi tiết đánh dấu *đỉnh điểm* *mở nút*.
2. Trong tình thế bấy giờ, đối với Lưu Bị, *để lộ chí lớn* là điều nguy hiểm nhất. Tính cách Lưu Bị vốn *khiêm nhường, thận trọng, kín đáo, khôn ngoan*. Hãy giải thích vì sao tình thế trong đoạn trích làm cho những nét tính cách đó càng thể hiện một cách nổi bật.
3. Để làm nổi bật tính cách của Lưu Bị, tác giả đã sử dụng thành công khá nhiều thủ pháp nghệ thuật :
  - Miêu tả trực tiếp qua những ứng phó tinh tế và những hành động, ngôn ngữ phù hợp.
  - Miêu tả gián tiếp qua sự đối lập với những suy nghĩ nóng nảy và đơn giản của Quan Vũ và Trương Phi.
  - Đưa yếu tố thiên nhiên vào một cách hợp lý.Hãy tìm ít nhất hai chi tiết để minh họa cho một trong ba thủ pháp nghệ thuật nói trên.

---

(1) Đức thánh ở đây là Khổng Tử, trong sách *Luận ngữ* có câu : "Gặp sấm to gió lớn tất phải biến đổi thân thái".

4. Đoạn trích cho thấy rõ quan niệm cơ bản của Tào Tháo về người anh hùng : "trong bụng có chí lớn, có mưu cao, có tài bao trùm được cả vũ trụ", và "có chí lớn" là "có chí nuốt cả trời đất". Để thấy quan niệm đó đại diện cho quan niệm của giai cấp áp bức, bóc lột trong xã hội phong kiến Trung Quốc luôn muốn đè đầu dân chúng, làm bá chủ trong thiên hạ. Lưu Bị ngay từ lúc trẻ cũng từng "có chí lớn", cũng muốn "làm vua". Song, với Lưu Bị, đây không phải là chỗ, là lúc tranh luận về quan niệm anh hùng mà phải giữ tuyệt mật quan niệm ấy để khỏi bị tiêu diệt. Lưu Bị đã thực hiện thành công chủ trương ấy nên trong pha đấu trí này, ông đã giành phần thắng. Đó là xét về phía Lưu Bị. Còn về phía Tào Tháo, theo ý anh (chị), vì sao ông ta lại thua trong pha đấu trí này.

## DÉ CHỌI

(Trích *Liêu Trai chí dị*)

BỒ TÙNG LINH

### TIỂU DẪN

*Liêu Trai chí dị* (Những chuyện quái dị chép ở Liêu Trai) là tập truyện ngắn của Bồ Tùng Linh, nhà văn Trung Quốc thời Thanh. Vì có nhiều dị bản nên số lượng truyện được ghi nhận cũng khác nhau : 431, 448, 489, 491, ...

Bồ Tùng Linh (1640 - 1715), tự Lưu Tiên, còn có tự là Kiếm Thần, hiệu Liễu Tuyền, người tỉnh Sơn Đông. Xuất thân trong một gia đình nhà nho suy tàn, lận đận mãi trên đường thi cử, gần như suốt đời ông sống ở nông thôn, làm nghề dạy học. Ngoài truyện *Liêu Trai chí dị*, ông còn để lại bốn quyển *Văn tập*, sáu quyển *Thi tập*. Năm 1980, ông được thế giới kỉ niệm như một Danh nhân văn hoá.

Chắt lọc được tinh chất từ những truyện dân gian đầy màu sắc huyền thoại, khai quật một cách sâu rộng thực tiễn cuộc sống đương thời, Bồ Tùng Linh đã sáng tạo nên những truyện ngắn mới lạ, tài hoa.

Tác phẩm *Liêu Trai chí dị* xoay quanh ba chủ đề lớn : phê phán nền chính trị tàn bạo, phê phán chế độ khoa cử hủ lậu, tố cáo chế độ hôn nhân phong kiến và ca ngợi tình yêu. Tác phẩm đầy những yếu tố hoang đường kì ảo, song nói như thi sĩ Tản Đà, đó đều là những 'tấm ảnh nhỏ' thu vào được hết 'nghìn vạn cảnh trạng ở nhân gian', chứa đựng 'những ý tưởng quang minh chính đại'.

Bên cạnh đó, cũng có không ít những tình tiết miêu tả một cách sinh động những cảnh ngộ gần gũi với cuộc sống hiện thực.

Mặc dù không có được bạn đọc rộng rãi như *Tam quốc diễn nghĩa*, *Thuỷ hử* và *Tây du ký* nhưng *Liêu Trai chí dị* vẫn là một trong những tác phẩm rất quen thuộc với độc giả Việt Nam.

*Dế chơi* là một truyện tiêu biểu cho tinh thần phê phán và một phần bút pháp của *Liêu Trai chí dị*.

\*  
\* \* \*

Thời Tuyên Đức trong cung rất chuộng trò chơi dế, hàng năm trung thu dế trong dân. Dế không phải là đặc sản của Thiểm Tây song do viên quan lệnh huyện Hoa Âm muốn lấy lòng quan trên nên dâng một con dế tốt để thi đấu trổ tài. Quan tinh thấy nó chơi hay quá đòi phải cung ứng thường xuyên. Quan huyện cũng lại đòi lí trường phải cung cấp. Ngoài chợ, bọn tay chơi tìm mua được con nào tốt, đem nhốt lồng nuôi, nâng giá lên thành hàng quý lạ. Còn bọn lí dịch giáo hoạt lấy lệ hiến dế, sách nhiễu dân chúng. Mỗi lần nộp một con dế, dù làm khuynh giá bại sản mấy nhà.

Huyện ấy, có người tên Thành Danh đã là một đồng sinh<sup>(1)</sup> nhưng không theo học tiếp nữa. Anh ta vốn người chất phác, ít nói, cho nên bị bọn hương chức quyền thế ép phải giữ chân chức dịch<sup>(2)</sup> trong làng. Tuy muôn phương nghìn kế chối từ nhưng vẫn không thoát. Mới chưa đầy một năm mà cái giá sán nhỏ mọn của anh ta cơ hồ đã kiệt. Gặp vụ nộp dế, Thành không dám bỏ bán, sách nhiễu dân mà nhà thì không còn gì để bù, bởi thế lo buồn quá chỉ muốn chết đi cho rảnh. Người vợ khuyên can :

– Chết thì được việc gì, chi bằng tự tìm bắt lấy, may ra được con nào chẳng.

Thành cho là phải. Từ đó cứ sáng đi tối về, tay xách ống tre, lồng tơ, dù cách bối đất lật đá tìm hang, mọi nơi tường đồi, bờ hoang, bãi cỏ. Cũng có lần moi được vài ba con nhưng vừa yếu vừa bé không đủ quy cách. Quan trên cứ hạn mà trách phạt, quá mất hồn chục ngày, Thành phải chịu đòn trăm gậy, đòi mông máu me bê bết mà chẳng có con dế nào để nộp. Về nhà, anh ta lẩn lờn trán trở trên giường, chỉ còn nghĩ đến chuyện tự tử mà thôi.

(1) Đồng sinh : chỉ người đã có học đi thi nhưng chưa đỗ tú tài (bất kể tuổi nhiều hay ít đều gọi là đồng sinh).

(2) Chức dịch : người có chức vụ thấp để sai vặt trong bộ máy chính quyền làng xã thời phong kiến.

Lúc ấy, trong thôn có cò đồng gù mới đến, có tài bói toán cầu thán. Vợ Thành chạy tiên để bói. Gái tơ, nụ đồng<sup>(1)</sup> kéo đến dây chật cổng ngõ. Trong nhà, buồng kín che mành, cửa bày hương án<sup>(2)</sup>. Người đến bói tháp hương, sì sụp lẽ. Cò đồng đứng bên hướng lên không trung khấn thay, mồm mấp máy thầm thì không biết nhũng gì. Mọi người xung quanh cung kính đứng nghe. Lát sau, trong mành ném ra mảnh giấy ghi nhũng lời truyền phán chỉ bảo, không mảy may sai lầm.

Vợ Thành nộp tiền trước án rồi cung tháp hương làm lễ như nhũng người trước. Đô giáp bã trầu thì mành đóng, mảnh giấy ném ra. Giờ ra xem, không thấy chữ, chỉ có hình vẽ : ở giữa là đèn gác như kiểu chùa Phật ; đằng sau, dưới ngọn núi nhỏ lấp ló nhũng mỏ đá kì quái, nhũng bụi gai tua tủa, một chú dế "thanh ma"<sup>(3)</sup> nằm phục, bên cạnh là con ếch đang trong tư thế định nhảy ra. Xem mà không hiểu ra sao, chỉ thấy qua chú dế dường như có bao hàm ẩn ý về việc mình cầu khấn, cho nên vợ Thành bọc giấy vào người, đem về đưa chồng xem. Thành tranh trả, tự nhủ : "Phải chàng bức vẽ chỉ cho ta chỗ bắt dế ?". Ngắm kĩ hình vẽ, thấy giống như Đại Phật các<sup>(4)</sup> ở mé đông thôn. Bèn gượng dậy, cầm theo bức vẽ, chống gậy lắn ra phía sau chùa. Ở đó có một ngôi mộ cổ trên gò cây cổ um tùm. Lắn theo xung quanh mộ thấy đá lởm chởm rất giống hình vẽ. Thành vạch cây vén cổ, cẩn thận tai như đi tìm mũi kim hạt cải, nhưng không thấy dấu vết gì cả. Bỗng có một con ếch nhảy vọt ra, Thành kinh ngạc vội đuổi theo. Ếch lắn vào đám cổ. Thành dõi theo hướng, lắn tìm thấy một chú dế núp dưới gốc gai. Thành chộp vội, nhưng dế đã chui tót vào hang. Lấy cổ nhọn chọc, nó vẫn nằm lì trong ấy. Sau phải đem ống phun nước vào, bị sặc, một chú dế cực kì to khoé mới bò ra. Tóm được chú ta, nhìn kĩ : mình to, đuôi dài, cổ xanh, cánh vàng. Thành vỗ cùng mừng rõ liền nhốt vào lồng mang về. Cả nhà an mừng, cho dâu có bắt được trân châu, bảo ngọc cũng không bằng. Rồi thả vào bồn, nuôi nấng hàng ngày bằng thóc ngâm sữa, thịt cua luộc, chăm sóc chi chút từng li từng tí, đợi đến kì hạn nộp quan.

Thành có đưa con lên chín, thấy bố đi vắng liền mở trộm bồn ra xem. Dế thừa cơ vọt ra. Thằng bé đuổi theo mãi mới vồ được vào tay thì dế đã gãy càng, bẹp bụng, chết ngay

(1) *Nụ đồng* : phụ nữ từng có chồng và đã đứng tuổi

(2) *Hương án* : bàn cao và hẹp đặt trước bàn thờ để bày bát hương và lọ cẩm nhang.

(3) "Thanh ma" : tên một loại dế.

(4) *Đại Phật các* : gác chùa thờ Phật

tức khắc. Nó sợ quá, chạy mach mè. Mẹ vừa nghe xong, mặt nhợt như chết rồi, quát mắng ầm lên :

– Thật là tiên oan nghiệp chướng<sup>(1)</sup> ! Chết đến nơi rồi ! Bố về sẽ cho mày biết !

Thằng bé khóc lóc bỏ đi. Lát sau Thành về, nghe vợ kể lại mà lạnh toát xương sống, đi tìm con thì con đã biến đâu không biết. Mai sau mới vớt được xác con dưới giếng. Chuyển giận thành thương, Thành vật vã kêu trời muốn chết. Nhà tranh bạt khói, vợ chồng im lặng nhìn nhau không còn biết nói gì. Trời gần tối mới đem chiếu cỏ liệm thây con, ôm ấp vỗ vè, thì thấy còn thoi thóp thở. Mừng quá ! Nửa đêm, con sống lại. Hai vợ chồng hơi yên tâm. Song đứa con vẫn cứ trơ ra như gỗ, bần bật ngủ lịm.

Thành nhìn cái lồng đế rỗng không lại như đút hơi, tắc họng, không nghĩ gì đến con nữa. Suốt một đêm ròng không hề chợp mắt, mặt trời mọc, Thành vẫn nằm dài, lòng buồn rười rượi. Bỗng nghe bên ngoài có tiếng đế gáy, với nhởm dậy nhìn ra thì đế vẫn còn đó. Thành mừng quá vỗ lấy. Kêu to một tiếng, đế nhảy bật đi. Tay Thành chộp được thì thấy như đường có đường không. Mở ra, đế lại nhảy vọt mất. Hoảng hốt nhìn quanh bốn phía thấy nó đã nẹp trên vách. Nhưng con này vừa nhỏ vừa ngắn, đỏ đen nham nhở, không phải con trước. Thành cho là hạng bé không thèm đế mắt mà cứ quần quanh đi tìm con trước. Bỗng đế con từ trên vách nhảy tót ngay vào trong tay áo Thành. Ngắm kĩ : đầu vuông, đùi dài, dáng ve sầu<sup>(2)</sup>, cánh hoa mai, có vẻ tốt. Thành hơi mừng, giữ lấy định đem lên công đường<sup>(3)</sup> nộp, song chỉ lo sợ không được vừa ý quan, mới nghĩ cách cho chơi thử xem sao.

Một chàng trai tay chơi trong thôn nuôi được một chú đế nòi đặt tên là "Cua sọc xanh", hàng ngày đem chơi với đế của đồng bạn, đều thắng cả. Chàng ta muốn giữ để kiếm lời, ai trả cao giá mấy cũng chua chịu bán. Nhân qua nhà thăm Thành, thấy đế Thành nuôi, chàng ta bịt miệng cười và đưa đế mình ra, bỏ vào lồng để đánh. Nhìn thấy đế người vừa to vừa cao, Thành lại càng xấu hổ, không dám đưa đế mình ra. Chàng trai cố ép. Thành nghĩ : nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chi bằng đem chơi lấy một tiếng cười. Thành đưa đế vào bồn đấu. Chú đế con nằm ẹp xuống không dám động đậy. Chàng trai cười ngất, cầm cái lồng lợn chọc vào râu, nó vẫn nằm im. Chàng trai lại cười, lại chọc. Đế con nổi giận, xông thẳng ra, phun chán cát tiếng gáy ke ke. Rồi vénh râu,

(1) Tiên oan nghiệp chướng : ý nói hậu quả của những tội ác gây ra từ kiếp trước mà kiếp sau phải gánh chịu, theo quan niệm của đạo Phật.

(2) Nguyên văn *thổ cầu* (chó đất) : một loại côn trùng, dạng ve sầu.

(3) Công đường : nơi làm việc của quan lại ngày xưa ; thường chỉ nơi quan lại ra gặp dân để xử kiện.

con đuôi nhảy xổ vào cắn cổ địch thủ. Chàng trai hốt hoảng, xin ngưng chơi. Dế con dông đặc cất tiếng gáy như báo cho chủ biết mình vừa thắng cuộc. Thành chứng kiến cảnh ấy, vui mừng vô cùng.

Đang khi cùng nhau ngầm nghĩa dế con thì một con gà sán lại gần, mổ dế. Thành hoảng, đứng dậy thét đuổi. May mà gà mổ không trúng. Dế co càng nhảy một phát đến hơn một thước. Gà đuổi sán theo, dế đã nằm dưới móng gà. Thành thảng thốt không biết làm thế nào để cứu dế, chỉ còn đậm chân, thất sác. Nhưng trong nháy mắt đã thấy gà vuơn cổ, sã cánh. Nhìn kỹ thì dế đã bám trên mào gà, cắn chặt lấy không buông. Thành vừa kinh ngạc, vừa mừng, vội bắt lấy dế bỏ vào lồng.

Hôm sau, Thành đem dâng quan huyện. Quan thấy dế nhỏ, quát ầm lên. Thành thuật lại chuyện lạ về con dế ấy, nhưng quan không tin. Đem chơi với các con khác, dế Thành đều thắng. Đem thử với gà thì quả như lời Thành nói. Quan trên thường cho Thành và hiến dế lên tinh. Quan tinh vui lòng lâm liên bồ dế vào lồng vàng tiến vua, lại dâng sớ tâu rõ cái hay của nó. Đã vào cung rồi, dế còn phải tỉ thí với khắp các loại dế kì hình dị dạng của cả thiên hạ dâng tiến như dế bướm, dế bò ngựa, dế dâu, dế "trán tơ xanh",... con nào cũng chịu thua cả. Còn điều kì lạ hơn nữa, ở trong cung, con dế của Thành mỗi khi nghe tiếng đàn cầm, đàn sắt là lại nhảy múa theo các tiết điệu. Hoàng thượng hết sức đẹp lòng, rộng ơn ban thưởng, xuống chiếu cấp cho quan tinh ngựa hay, vải quý. Quan tinh không quên nguồn gốc dế nên ít lâu sau cũng tiến cử quan huyện là người "tài năng ưu việt" có thể thăng cấp. Quan huyện sướng quá cho Thành được miễn sai dịch<sup>(1)</sup>; lại dặn học quan cho Thành thi lấy học vị tú tài.

Còn con Thành, hơn năm sau tinh thần trở lại như cũ và kể lại rằng: Mình đã hoá thành dế lanh lẹ, chơi giỏi, nay mới thực sống lại. Quan tinh biết rõ chuyện ấy, lại hậu thường cho Thành. Chỉ mấy năm thôi, Thành đã có ruộng đồng trám khoảnh, lâu gác nguy nga, trâu dê đầy đàn. Ra khỏi nhà thì áo cùu<sup>(2)</sup>, ngựa xe vượt cả các bậc quyền thế.

#### LỜI BÀN CỦA TÁC GIẢ

Bậc thiên tử dùng một vật gì chốc lát rồi quên; còn kẻ hầu cận bèn lấy làm lệ định. Từ đó, qua bọn tham quan lại ngược, dân phải bán vợ đợt con không dứt. Cho nên, nửa bước của bậc thiên tử cũng quan hệ đến dân, không thể coi nhẹ được. Riêng họ Thành vì

(1) Sai dịch: chỉ chung những việc phục dịch thời xưa.

(2) Áo cùu: áo may bằng da chồn, chỉ sự giàu sang.

sâu mọt mà nghèo, vì dế chơi mà giàu, vênh vang áo ciu, ngựa béo, lúc còn bị lí dịch sách  
nhiều chắc chắn đến chuyện như thế. Còn on trời đèn đáp sao mà dài lâu hậu hĩ  
vậy, khiến cho quan tinh, quan huyện đều được hưởng ân huệ và phúc ấm<sup>(1)</sup> của dế. Ta  
tưởng nghe : "Một người thăng thiên, gà chó cũng thành tiên"<sup>(2)</sup>. Đáng tin vậy thay !

(Liệu Trai chí dĩ, NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch,  
NXB Văn học, Hà Nội, 1996)

## HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

- Đi tìm dế hay dế chơi là một trò chơi rất thông thường, hơn nữa, đó là một trò chơi của trẻ con. Thế nhưng, bằng ngòi bút tài hoa, sắc sảo, Bô Tùng Linh đã phơi bày được cả hệ thống chính trị thối nát đương thời. "Sáng kiến" đút lót bể trên, "sáng kiến" hiến dế chơi của một viên huyện lệnh đã biến thành "lệ định" của cung đình và từ đó, có khi chỉ vì "nộp một con dế" mà bao gia đình phải khuynh gia bại sản.  
Hãy nêu lên những hậu quả bi thảm mà lệ hiến dế chơi đã gây ra cho gia đình Thành Danh.
- Vì dế mà Thành Danh điêu đứng, con anh ta mất cả xác lẫn hồn, và cũng nhờ dế mà Thành Danh được nhận "học vị tú tài", có "ruộng đồng trăm khoảnh, lâu gác nguy nga"; cả hệ thống quan lại, từ lí trưởng, quan huyện, quan tinh cũng được "trọng thưởng", "thăng cấp". Để nâng cao giá trị tố cáo vốn đã cực kì sâu sắc, tác giả còn bổ sung "Lời bàn". Hãy phân tích tính chất châm biếm đặc biệt sâu sắc của từ "phúc ấm".
- Ở đây không có hình ảnh ma quái, hổ li nhưng cũng đầy những chi tiết li kì biến ảo. Đúng như Tân Đà nói, đó là "tấm ảnh nhỏ" không chỉ thu vào "nghìn vạn cảnh trạng ở nhân gian" mà còn có tác dụng làm nổi bật tính chất phi lí của những "cảnh trạng" ấy. Thủ phân tích một chi tiết li kì trong truyện *Dế chơi* để làm sáng tỏ nhận định trên của Tân Đà.
- Kết cấu của truyện hết sức chặt chẽ. Từ đầu đến cuối, mọi chi tiết đều xoay quanh câu chuyện *Dế chơi*. Chặt chẽ mà lại biến hoá khôn lường bởi sự thay đổi xen kẽ liên tục mà hợp lí những tình huống may rủi của Thành Danh, bởi những chi tiết bất ngờ và thú vị. Hãy chỉ ra và phân tích một chi tiết bất ngờ và thú vị mà anh (chị) thích.

(1) *Phúc ấm* (nguyên văn *ân ấm*) : chỉ công danh, chức tước triều đình ban cho con cháu do cha ông lập được nhiều công tích.

(2) Câu này do diễn : Hoài Nam Vương Lưu An tu luyện đắc đạo bay lên trời, lũ gà chó trong nhà được ăn thuốc luyến còn dư cũng đều trở thành tiên.

# TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ

(Trích *Chinh phu ngam*)

Nguyên tác chữ Hán : ĐẶNG TRẦN CÔN  
Bản diển Nôm : ĐOÀN THỊ ĐIỂM (?)

## KẾT QUẢ CẨN ĐẠT

- Hiểu được tâm trạng lẻ loi của người chinh phu và lòng đồng cảm sâu sắc của tác giả đối với khát vọng hạnh phúc lứa đôi.
- Thấy được nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật và âm điệu thiết tha của đoạn trích.

## TIỂU DẪN

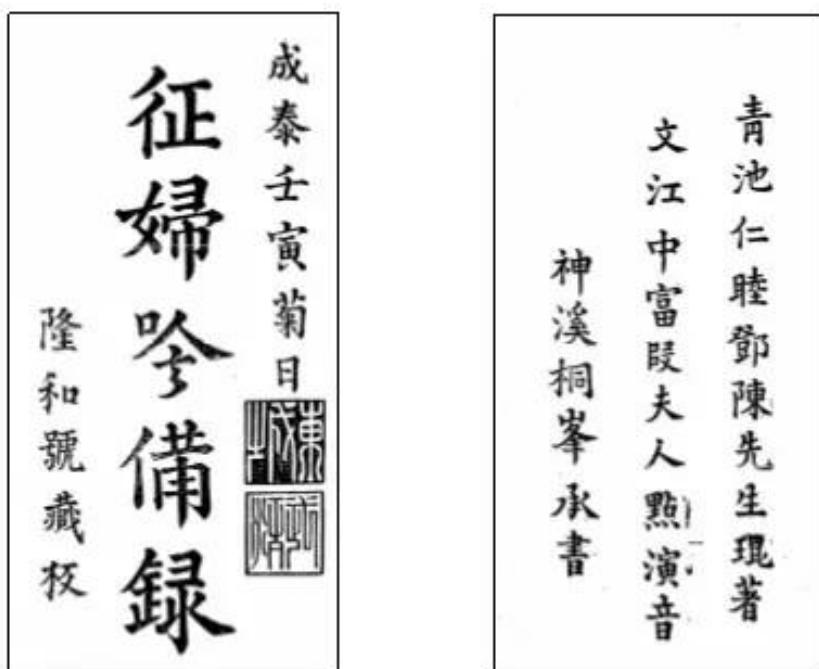
Đặng Trần Côn quê ở làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì (nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân), Hà Nội. Không rõ năm sinh, năm mất, chỉ biết ông sống trong khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII. Ông đỗ hương cống, từng làm các chức Huấn đạo, Tri huyện, cuối đời nhận chức Ngự sử đài chiếu khám<sup>(1)</sup> thời Lê - Trịnh. Về sáng tác, ông có nhiều tác phẩm, trong đó nổi tiếng nhất là *Chinh phu ngam*.

*Chinh phu ngam* của Đặng Trần Côn viết bằng chữ Hán, theo thể đoàn trường cú (câu ngắn, câu dài xen nhau). Tác phẩm này được sáng tác vào đầu những năm bốn mươi, thế kỷ XVIII. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết : "Chinh phu ngam do hương cống Đặng Trần Côn soạn. Nhân đầu đời Cảnh Hưng (1740 - 1786) có việc binh, người ta đã đánh phải lìa nhà, ông cảm thời thế mà làm ra". Cũng những năm này, các cuộc nổi dậy của nhân dân bùng lên mạnh mẽ chưa từng thấy và lan rộng khắp xã hội Đàng Ngoài. Phong trào quật khởi của đồng đảo quần chúng bị áp bức đã khơi dậy một luồng tư tưởng mới trong giới trí thức và sau đó trở thành tư tưởng chủ đạo trong văn chương một thời. Đó là tư tưởng về

(1) *Ngự sử đài chiếu khám* : một chức quan nhỏ trong đài Ngự sử, cơ quan chuyên trách việc can gián nhà vua.

quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người. Có thể nói *Chinh phu ngâm* là tiếng vang đầu tiên của tư tưởng ấy trong văn học.

Tác phẩm của Đặng Trần Côn được nhiều người diễn ra tiếng Việt. Đoạn trích dưới đây thuộc bản Nôm được đánh giá là thành công hơn cả. Bản này tương truyền là của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm<sup>(1)</sup>, người sống cùng thời với Đặng Trần Côn. Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748), hiệu là Hồng Hà, người làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay thuộc tỉnh Hưng Yên). Bà còn là tác giả của *Truyền kí tân phả* viết bằng chữ Hán.



Trang bìa sách *Chinh phu ngâm bì lục*.  
Ba cột đọc, từ phải sang trái là :

1. Thành Thái Nhâm Dần cúc nhật  
(Mùa thu năm Nhâm Dần, 1902,  
niên hiệu Thành Thái).
2. Chinh phu ngâm bì lục  
(Sao chép đầy đủ về bản *Chinh phu ngâm*)
3. Long Hoà hiệu tàng bản  
(Hiệu Long Hoà lưu giữ vẫn khác).

Trang 2 sách *Chinh phu ngâm bì lục*.  
Ba cột đọc, từ phải sang trái là :

1. Thanh Tú Nhán Mục Đặng Trần tên  
sinh Côn trước. (Ông Đặng Trần Côn,  
người Nhán Mục, Thanh Tú sáng tác).
2. Văn Giang, Trung Phú Đoàn phu  
nhân Điểm diễn âm. (Phu nhân Đoàn  
Thị Điểm, người Trung Phú, Văn Giang  
diễn âm).
3. Thân Khê Đồng Phong thừa thư  
(Đồng Phong, người Thân Khê viết chữ).

(1) Cũng có một số nhà nghiên cứu cho rằng bản diển Nôm này là của Phan Huy Ích (1750 - 1822).

Vị trí đoạn trích (từ câu 193 đến câu 228 của *Chinh phu ngam*) : Sau buổi tiễn đưa, người chinh phụ trở về, tưởng tượng cảnh chiến trường đầy hiểm nguy và chết chóc mà xót xa, lo lắng cho chồng. Một lần nữa nàng tự hỏi vì sao đôi lứa phải chia cách, vì sao bao lần hẹn hò với nhau đều không thành. Bấy nhiêu câu hỏi đều không có câu trả lời. Rồi nàng ái ngại cho cảnh "một thân nuôi già dạy trẻ" và kể tâm sự của mình phải sống lẻ loi. Tâm sự ấy được thể hiện đặc biệt sâu sắc ở đoạn trích này.

\*

\*      \*

1. *Dạo hiên vắng thăm gieo từng bước,  
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen<sup>(1)</sup>.*  
*Ngoài rèm thước<sup>(2)</sup> chẳng mách tin,  
Trong rèm đường đã có đèn biết chẳng ?*
5. *Đèn có biết đường bằng chẳng biết ?  
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.*  
*Buồn rầu nói chẳng nên lời,  
Hoa đèn<sup>(3)</sup> kia với bóng người khá thương !*
10. *Hoè phát phơ rủ bóng bốn bên<sup>(5)</sup>.  
Khắc giờ<sup>(6)</sup> dâng dâng như niên,  
Mối sâu dâng đặc tựa miên biển xa.*

(1) *Rủ* : buông xuống, *thác* : cuốn lên, *dòi phen* : nhiều lần. *Rủ thác đòi phen* : buông xuống rồi lại cuốn lên nhiều lần.

(2) *Thước* : tên một loài chim. Người xưa tin rằng chim thước kêu gần nhà là có tin vui.

(3) *Hoa đèn* : tàn kết lại đầu sợi bắc đèn cháy đỏ như cái hoa nở.

(4) *Năm trống* : năm trống canh. Mỗi đầu canh có trống báo hiệu, năm lần trống diểm canh tức là suốt đêm.

(5) *Rủ bóng bốn bên* : ý nói thời gian từ sáng đến tận chiều.

(6) Bản của Hoàng Xuân Hán ghi là *khắc chờ*; theo ông chữ *chờ* ở đây "rất mặn ý và cân đối với mối sâu trong câu dưới".

*Hương gượng<sup>(1)</sup> đốt hồn đà mê mải<sup>(2)</sup>,  
Gương gượng soi lệ lại chau chan<sup>(3)</sup>.*

15. *Sắt cần<sup>(4)</sup> gượng gảy ngón đàn,  
Dây uyên<sup>(5)</sup> kinh đứt, phím loan<sup>(6)</sup> ngại chùng.  
Lòng này giữa gió đông<sup>(7)</sup> có tiễn?  
Nghìn vàng xin giữa đến non Yên<sup>(8)</sup>.*

- Non Yên dù chẳng tới miên,  
20. Nhớ chàng thăm thăm đường lên bằng trời.  
*Trời thăm thăm xa vời khôn thấu,  
Nỗi nhớ chàng đau đau nào xong.*  
*Cành buồn người thiết tha<sup>(9)</sup> lòng,  
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.*
25. *Sương như búa, bỗn mòn gốc liễu,  
Tuyết đường cửa, xé héo cành ngô.*  
*Giọt sương phủ bụi chim gù,  
Sâu tường kêu vắng chuông chùa nện khói.*

(1) *Gượng* : cố gắng một cách miên cưỡng.

(2) *Mê mải* : chìm đắm miên man.

(3) *Chau chan* : (chau là ngọc chau) chỉ nước mắt chan chứa. Trong *Những khúc ngâm chọn lọc* ghi là "chứa chan", chúng tôi sửa lại theo bản gốc chữ Nôm.

(4) *Sắt cần* : tên hai cây đàn thường dùng để gảy hoà điệu với nhau, ví với cảnh vợ chồng hoà hợp.

(5) *Dây uyên* : dây đàn. *Uyên* là tên loài chim, con trống là *uyên*, con mái là *uong* thường sống thành đôi, không rời nhau.

(6) *Phím loan* : phím đàn. *Loan* là chim mái, *phượng* là chim trống ; loan phượng sống thành đôi. *Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng* : dây đàn kinh sợ mà đứt, phím đàn ngắn ngại mà chùng, ý nói rằng gượng gảy đàn, nhưng không gảy nổi.

(7) *Gió đông* : gió từ phương đông thổi tối, tức là gió mùa xuân.

(8) *Nghìn vàng* : ý nói tấm lòng trân trọng quý giá tựa nghìn vàng. *Non Yên* : tức Yên Nhiên, tên một ngọn núi rất xa ở phía bắc.

(9) *Thiết tha* : ở đây nghĩa là đau đớn, xót xa như bị cắt, bị mài.

- Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc<sup>(1)</sup>,  
 30. Một hàng tiêu<sup>(2)</sup> gió thốc ngoài hiên.  
     Lá màn lay ngọt gió xuyên,  
     Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.  
     Hoa dãi<sup>(3)</sup> nguyệt, nguyệt in một tấm,  
     Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.  
 35. Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng<sup>(4)</sup>,  
     Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâm !

(Theo *Những khúc ngâm chọn lọc*, tập I,  
 LUÔNG VĂN ĐANG, NGUYỄN THẠCH GIANG,  
 NGUYỄN LỘC giới thiệu, biên khảo, chú giải,  
 NXB Giáo dục, 1994)

### HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

- Đoạn trích có thể chia làm mấy đoạn nhỏ ? Nêu ý chính của mỗi đoạn.
- Phân tích tâm trạng cô đơn, trống trải (từ câu 1 đến câu 16) thể hiện qua những việc làm, ý muốn và cảm giác của người chinh phụ.
- Hãy tìm và phân tích các chi tiết ngoại cảnh có tác dụng biểu hiện tâm trạng cô đơn, đau xót của người chinh phụ (từ câu 17 đến câu 28).
- Tâm trạng người chinh phụ trong đoạn cuối (từ câu 29 đến câu 36) có gì khác so với hai đoạn trên ? Học thuộc lòng tám câu thơ cuối.
- Phân tích các biện pháp tu từ, nhạc điệu làm nên giá trị nghệ thuật của khúc ngâm qua đoạn trích.
- Nêu khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

### BÀI TẬP NÂNG CAO

So sánh câu 238 - 239 trong nguyên tác chữ Hán :

Sâu tự hải,  
 Khắc như niên

(1) *Ốc* : nhà.

(2) *Tiêu* : nón tắm từ *ba tiêu*, là cây chuối.

(3) *Dãi* : phơi bày ra, không giấu giếm.

(4) *Trùng trùng* : tầng tầng, lớp lớp.

(Sâu tựa biển,  
Khắc như năm)

với câu 11 - 12 trong đoạn trích :

*Khắc chờ dâng dâng như niêng,  
Mỗi sâu dâng đặc tựa miên biển xa*

để thấy người diễn Nôm trung thành với nguyên tác mà vẫn có sáng tạo.